14/6/90 - Kanz 2740/90/Australia

HIEP ĐINH THUONG MAI VA HOP TAC KINH TE GIUA CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM VA AUSTRALIA

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Australia

- Ghi nhận sự phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước là kết qủa của Hiệp định thương mại ký kết giữa hai Chính phủ tại Canberra ngày 26-11-1974,

- Với lòng mong muốn thúc đẩy và mở rộng hơn nữa quan hệ thương mại và hợp tác kinh tế cùng có lợi giữa hai nước,

- Xem xét những quyền và nghĩa vụ quốc tế của mình,

Đã thỏa thuận như sau :

Điều 1
MUC TIEU

Mục tiêu của Hiệp định nhằm :

a) Tạo khuôn khổ để tăng cường sự tham gia của các xí nghiệp và tổ chức của hai nước vào việc hợp tác song phương về kinh tế, thương mại, khoa học và công nghiệp.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định các cơ hội đầu tư và thương mại cụ thể ở cả hai nước.

c) Khuyến khích việc hợp tác cùng có lợi trong các lĩnh vực hai bên đều quan tâm đặc biệt là các linh vực hợp tác nêu trong điều 3 của Hiệp định này, và

d) Khuyến khích việc mở rộng hợp tác về tài chính và ngân hàng.

Điều 2
HOP TAC KINH TE, THUONG MAI, KHOA HOC VA CONG NGHIEP

Để thúc đẩy các mục tiêu đề ra ở điều 1 của Hiệp định này, các bên sẽ :

a) Xác định các dự án cụ thể và các cơ hội khác về hợp tác kinh tế, đầu tư trong kinh doanh buôn bán và chuyển giao công nghệ mới ở nước mình, có chiếu cố tặc

biệt đến khả năng chuyên môn và lợi ích của các xí nghiệp và tổ chức hữu quan ở nước kia.

b) Xúc tiến và hỗ trợ các đoàn thương mại, marketing, các liên kết kinh doanh và tổ chức, các sáng kiến khác, và các cuộc tiếp xúc của các bạn hàng thương mại.

c) Khuyến khích các xí nghiệp, tổ chức của nước bên kia tổ chức triển lãm, hội chợ và các hoạt động xúc tiến khác.

d) Khuyến khích việc thăm viếng, trao đổi các đoàn và chuyên gia của các xí nghiệp quốc doanh, thương nghiệp, các viện nghiên cứu và các cơ sở kinh tế hữu quan và các tổ chức thích hợp khác.

e) Xem xét các trở ngại đối với buôn bán có thể cản trở việc thực hiện các mục tiêu của Hiệp định này, có chú ý tới cơ chế nhằm mục đích đó được xác lập bằng Hiệp định này.

f) Khuyến khích việc chuyển giao kỹ thuật và quy trình công nghệ mới để thúc đẩy quá trình thích nghi và cải tiến các sản phẩm hiện có và sản phẩm mới.

g) Khuyến khích việc thành lập các tổ chức tư vấn, liên doanh, các thỏa thuận về licence và hợp tác khác giữa các xí nghiệp ở hai nước.

h) Trao đổi ý kiến và thông tin /thông / qua các hình thức thích hợp về việc hình thành và áp dụng các chủ trương về khoa học và kỹ thuật, thúc đẩy hợp tác khoa học và kỹ thuật trong các lĩnh vực mà hai bên cùng quan tâm, nhất là các lĩnh vực có liên quan đến phát triển kinh tế xã hội.

i) Xác định các hình thức hợp tác khác có thể thích hợp với cả hai bên.

Điều 3

LĨNH VỰC HỢP TÁC

1. Những lĩnh vực hợp tác chủ yếu là những lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế, thương mại và công nghiệp của mỗi nước và có thể bao gồm :

a) Năng lượng, khai khoáng.
b) Tài nguyên thiên nhiên kể cả quản lý tài nguyên, lâm nghiệp, ngư nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt.
c) Phát triển hạ tầng cơ sở.
d) Nông nghiệp và chế biến thực phẩm.
e) Vận tải.
f) Công nghiệp nhẹ kể cả vải sợi, quần áo, giày dép, len, bông, da và chế biến da.
g) Khoa học kỹ thuật.
h) Môi trường.
i) Giáo dục.
j) Khoa học thông tin kể cả viễn thông.
k) Ngân hàng và tài chính
l) Du lịch.
m) Các lĩnh vực hợp tác khác có thể do hai bên cùng nhau quyết định.

2. Không có qui định nào trong điều khoản này ngăn cản các giới kinh doanh của cả hai nước tìm kiếm các cơ hội buôn bán các mặt hàng khác.

Điều 4

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Các bên sẽ trao đổi thông tin kịp thời có liên quan đến :

a) Những chiến lược, ưu tiên, kế hoạch và dự báo kinh tế quốc dân, các chủ trương quan trọng khác và các bước phát triển tác động đến thương mại giữa hai nước.

b) Những luật pháp, pháp quy và tập quán của mỗi nước có liên quan đến thương mại và hợp tác kinh tế giữa hai nước hoặc có liên quan đến việc thực hiện các mục tiêu của Hiệp định này.

c) Lợi ích của các xí nghiệp và tổ chức thương mại ở nước mình đối với việc xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ.

d) Những cơ hội hợp tác kinh tế và đầu tư trong kinh doanh buôn bán ở nước mình, có chiếu cố đặc biệt đến khả năng chuyên môn và lợi ích của các xí nghiệp và tổ chức hữu quan ở nước kia.

2. Khi cần thiết, các bên sẽ nhanh chóng thông báo những tin tức như vậy cho các xí nghiệp và tổ chức thương mại có liên quan ở nước mình biết.

Điều 5

MIEN THUE NHAP KHAU VA CAC THUE KHAC

Theo đúng luật lệ và các phép quy hiện hành ở mỗi nước hai bên sẽ miễn thuế nhập khẩu và các thuế đánh vào hàng trưng bày ở hội chợ và triển lãm cũng như mẫu hàng để quảng cáo từ nước này vào nước kia. Những mặt hàng và mẫu hàng đó sẽ không được xử lý nhập vào nếu không có sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền ở nước đó và nếu không trả thuế nhập khẩu và các loại thuế khác nếu có.

Điều 6

ĐỐI ĐỐ ĐẠI NGỘ TỐI HUỆ QUỐC

1. Hai bên sẽ dành cho nhau chế độ đãi ngộ tối huệ quốc trong việc cấp giấy phép xuất nhập khẩu và trong việc phân bổ ngoại tệ có liên quan đến việc xuất nhập khẩu đó, cũng như về mọi mặt liên quan tới thuế hải quan, các thứ thuế và lệ phí khác đánh vào hoặc có liên quan tới hàng hoá xuất nhập khẩu, và hải quan và các thủ tục, thể lệ, nội quy có liên quan khác.

2. Những quy định và tiêu chuẩn liên quan tới chế độ ưu đãi thuế quan của Australia dành cho các nước đang phát triển vẫn sẽ tiếp tục áp dụng đối với Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam như với các nước khác.

3. Đoạn 1 và 2 của Điều này sẽ không áp dụng đối với những ưu tiên hoặc ưu đãi mà bên này hoặc bên kia đã dành theo một chế độ ưu đãi đã có hoặc theo bất cứ một thỏa thuận hoặc sự dàn xếp nào hình thành hoặc đưa tới việc lập một khu vực mậu dịch tự do hoặc một liên hiệp quan thuế và không áp dụng đối với ưu tiên hoặc ưu đãi mà bên này hay bên kia dành cho việc buôn bán với các nước có chung đường biên giới với nước mình.

Điều 7

BAO VE AN NINH QUOC GIA, SUC KHOE CON NGUOI GIA SUC HOAC CAY COI

Không có quy định nào của bản Hiệp định này được hiểu theo nghĩa là ngăn cản bên này hay bên kia áp dụng hoặc thi hành các biện pháp để bảo vệ nền an ninh quốc gia của mình, hoặc bảo vệ sự sống con người, gia súc hoặc cây cối hoặc để thực hiện những quyền và nghĩa vụ của mình theo luật pháp quốc tế.

Điều 8

THANH TOAN

Mọi thanh toán giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Australia sẽ được tiến hành qua các ngân hàng ở hai nước đã được phép mua bán ngoại tệ bằng đôla Australia hoặc bằng các ngoại tệ tự do chuyển đổi khác mà hai bên chấp nhận theo đúng các quy định về ngoại hối hiện hành ở hai nước và theo các tập quán thông thường hoặc có thể được tiến hành toàn bộ hay từng phần bằng việc giao hàng theo các thỏa thuận được hai bên cùng chấp nhận.

Điều 9

VIEC TAI TRO HANG XUAT KHAU CUA AUSTRALIA

Chính phủ Australia sẽ hết sức cố gắng đảm bảo dành cho nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam những

điều kiện thanh toán thông thường để trang trải cho những hàng hoá xuất khẩu của Australia thông qua phương thức tín dụng, đặc biệt tín dụng trung và dài hạn của chính phủ sẽ dành cho Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong những trường hợp thích hợp.

Điều 10

CƠ CHẾ PHỐI HỢP VÀ THAM KHẢO

1. Việc thực hiện Hiệp định này đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ và tham khảo giữa hai bên. Do đó các bên đồng ý thành lập một ủy ban hỗn hợp về thương mại và hợp tác kinh tế để thực hiện các mục tiêu của Hiệp định này. Ủy ban này gồm một bộ trưởng của mỗi nước làm đồng chủ tịch và các thành viên khác.Ủy ban hỗn hợp sẽ nhóm họp hàng năm hoặc khi cần thiết. Các phiên họp sẽ được tổ chức luân phiên ở Việt Nam và ở Australia.

2. Ủy ban hỗn hợp về thương mại và hợp tác kinh tế sẽ :

a) Kiểm điểm lại những tiến bộ trong quan hệ thương mại và hợp tác kinh tế giữa các bên đã được qui định trong Hiệp định này và có những kiến nghị nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác đó.

b) Làm đầu mối liên lạc để phát hiện và giải quyết những trở ngại trong thương thương mại và hợp tác kinh tế có thể cản trở việc thực hiện các mục tiêu của Hiệp định như đã qui định trong đoạn (e) của điều 2.

c) Xem xét trong khuôn khổ của Hiệp định này, những đề nghị của chính phủ bên này hay bên kia nhằm mở rộng và đa dạng hoá hơn nữa quan hệ buôn bán giữa hai nước.

d) Xây dựng những qui định cần thiết theo đó các quan chức có thể trao đổi thông tin ở giai đoạn đầu về các dự án quan trọng trong tương lai.

Điều 14

HIEU LUC CUA HIEP ĐINH

1. Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày ký và tiếp tục hiệu lực trong 3 năm đầu. Sau đó nó tiếp tục có hiệu lực đến ngày thứ 90 sau khi chính phủ bên này thông báo cho bên kia bằng văn bản, qua đường ngoại giao, ý định của mình muốn kết thúc Hiệp định này.

2. Khi Hiệp định này có hiệu lực, thì Hiệp định thương mại ký giữa nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và Australia ngày 26 tháng 11 năm 1974 tại Canberra sẽ chấm dứt hiệu lực.

Những người ký dưới đây được chính phủ nước mình ủy quyền đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 1990 thành hai bản chính bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh, cả hai bản đều có giá trị như nhau.

THAY MAT CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
(Đã ký)

THAY MAT AUSTRALIA
(Đã ký)

)))

BO NGOAI GIAO
-:-
Số : 18 /LPQT

Nơi gửi :
- Văn phòng HĐBT,
- UB kế hoạch NN,
- Bộ Thương nghiệp,
- Bộ Tài chính,
- Ngân hàng NN Việt Nam,
- Tổng Cục Hải quan,
- UB Khoa học KT Nhà nước,
- Bộ Công nghiệp nặng,
- Bộ Nông nghiệp và CNTP,
- Bộ Công nghiệp nhẹ,
- ĐSQ Việt Nam tại Australia,
- Vụ ĐNA và TBD,
- Lưu (LPQT, Lưu trữ).

— Ngân hàng N.T. Việt Nam.

SAO Y BẢN CHÍNH
"Để báo cáo,
Để thi hành"

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 1991
TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
Q.Vụ trưởng Vụ LP và Điều ước quốc tế

Tạ Ngọc Ngân